

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con, tài sản và nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 587/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, tài sản và nợ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐST-HN ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp CT, xã PD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Võ Công Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp CT, xã PD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: A.

Địa chỉ: Số 9, phố LD, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Trương Văn U – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch B.

Tất cả có mặt, riêng ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:* Chị và anh Đ bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD. Anh chị chung sống có 01 con chung tên Võ Công T, sinh ngày 28/02/2009, hiện chị đang nuôi. Trong thời gian chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung gì, tuy nhiên có nợ B số tiền 12.000.000 đồng. Đến tháng 7/2017 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Đ làm gì thiếu nợ chị không biết, khi anh Đ bệnh nghỉ ở nhà thì người ta đến đòi từ đó anh chị cãi vã nhau anh Đ bỏ về nhà ba mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian anh Đ bỏ đi anh không về để bàn bạc việc hàn gắn gia đình, nhưng cách đây khoảng 01 tháng anh Đ về thường xuyên kiếm chuyện gây gổ nên chị không thể nào chung sống được nữa do đó chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 con bò con đã bán số tiền 7.000.000 đồng; con bò mẹ đã bán 28.000.000 đồng; tiền thăm bệnh 8.000.000 đồng và tiền vay Ngân hàng 12.000.000 đồng. Tất cả số tiền trên chị đã trả nợ hết tổng cộng 32.000.000 đồng. Cụ thể anh Tân 3.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k (9.000.000 đồng); chị Thắm 4.000.000 đồng, chị Linh 6.000.000 đồng, chị Vân 10.000.000 đồng. Còn lại chị chi phí ăn uống đi lại trong thời gian anh Đ điều trị bệnh, chi phí sinh hoạt trong gia đình và nuôi con hết không còn nên không yêu cầu giải quyết. Đối với chiếc xe Sirius biển số 70F1 – 28134 là tài sản riêng của chị không phải tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Nợ A số tiền 12.000.000 đồng Chị yêu cầu chia đôi.

- *Bị đơn anh Võ Công Đ trình bày:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản và nợ chung là không đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Ngày 25/7/2017 chị L cờ bạc, anh nói chị không nghe mà còn chửi và lấy quần áo bỏ ra ngoài đuổi anh đi. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh đồng ý theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Ngoài tài sản như chị L trình bày còn có 01 chiếc xe Sirius biển số 70F1 – 28134 do chị Trần Thị L đứng tên và quản lý sử dụng; 04 bộ ximen không biết trọng lượng nhưng thời điểm mua năm 2015 với số tiền 13.500.000 đồng hiện chị L đang giữ. Anh thống nhất trả nợ 32.000.000 đồng như chị L trình bày, còn chi phí ăn uống trong thời gian anh điều trị bệnh là tiền vay Ngân hàng 12.000.000 đồng.

Do đó tài sản chung còn lại là: 01 chiếc xe Sirius; 04 bộ ximen không biết trọng lượng trị giá 13.500.000 đồng; tiền bán bò còn lại 3.000.000 đồng và tiền thăm bệnh 8.000.000 đồng, tất cả chị L đang giữ anh yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Anh yêu cầu chia đôi nợ A mỗi người có trách nhiệm trả 6.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Vào ngày 25/6/2017 Phòng giao dịch B có cho chị L và anh Đ vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất

0,75%/ tháng thời hạn trả nợ cuối cùng là 25/6/2022 và trả lãi hàng tháng. Nay chị L anh Đ ly hôn A yêu cầu anh chị trả nợ cho A trước khi ly hôn là nợ gốc là 12.000.000 đồng còn lãi suất phát sinh hàng tháng anh chị đều trả đủ.

Trường hợp anh chị không trả trước được thì A có yêu cầu giải quyết giao tài sản bằng hiện vật hoặc giá trị nhiều hơn cho chị L và chị L có nghĩa vụ trả nợ cho A.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh Đ, con chung giao cho chị L được tiếp tục nuôi, ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, tài sản thì xác định chiếc xe Sirius biển số 70F1 – 28134 là tài sản chung của anh chị chia đôi, không chấp nhận yêu cầu của anh Đ đối với 04 bộ vòng ximen 13.500.000 đồng, tiền thăm bệnh 8.000.000 và tiền bán bò còn lại 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Võ Công Đ chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu được ly hôn và anh Đ cũng đồng ý do anh chị không còn phù hợp nữa thường xuyên mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh chị yêu cầu ly hôn là tự nguyện và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh Đ đều có yêu cầu được nuôi. Xét thấy, nguyện vọng của cháu T được sống với chị L, chị L có nhà ở riêng buôn bán tại nhà, chăn nuôi và làm ruộng có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con, hơn nữa từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu T sống với chị L đã ổn định, được chị L chăm sóc nuôi dưỡng bình thường, tại phiên tòa anh Đ đồng ý theo nguyện vọng của con sống và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử giao con cho chị L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng việc cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ đều thống nhất tiền bán 02 con bò 35.000.000 đồng, tiền thăm bệnh 8.000.000 đồng và tiền vay A 12.000.000 đồng. Trả nợ hết tổng cộng 32.000.000 đồng còn lại 23.000.000 đồng. Chị L cho rằng số tiền trên đã chi phí gia đình hết không còn. Ngược lại anh Đ cho rằng chi phí chỉ 12.000.000 đồng. Xét thấy anh Đ bệnh gãy vỡ lún thân sống phải điều trị ở

bệnh viện và tại nhà trong thời gian từ ngày 18/6/2017 đến khi anh Đ bỏ đi tháng 7/2017, chị L không đi làm được phải ở nhà chăm sóc anh Đ trong khi chị phải lo mọi chi phí điều trị, ăn uống, tiền xe đi lại, tái khám, chi phí sinh hoạt trong gia đình kể cả chi phí nuôi con từ đó cho đến nay, tại phiên tòa anh Đ thừa nhận chi phí nuôi con một tháng khoảng 3.000.000 đồng. Do đó lời trình bày của chị L và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và yêu cầu của anh Đ là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với 04 bộ ximen: Anh Đ cho rằng chị L đang giữ ngược lại chị L không thừa nhận. Xét thấy trong quá trình tố tụng anh Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cũng như qua kết quả xác minh theo yêu cầu của anh Đ cũng không thể hiện có số nữ trang trên. Do đó yêu cầu của anh Đ là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Đối với chiếc xe Sirius biển số 70F1 – 28134: Chị L và anh Đ thống nhất giá 10.000.000 đồng. Chị L cho rằng là tài sản riêng ngược lại anh Đ cho rằng tài sản chung. Xét thấy chiếc xe được mua vào thời điểm anh chị đang còn chung sống với nhau, chị L không cung cấp chứng cứ chứng minh được tài sản riêng. Do đó yêu cầu của anh Đ là có cơ sở cần xác định chiếc xe là tài sản chung của chị L và anh Đ cần chia đôi là phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nợ chung: Chị L và anh Đ đều đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả 6.000.000 đồng cho A.

Xét thấy chị L, anh Đ và A đều thống nhất trường hợp chia tài sản giao cho chị L nhận phần tài sản bằng hiện vật hoặc giá trị nhiều hơn và chị L có trách nhiệm trả nợ cho A. Hiện chiếc xe chị L đang quản lý sử dụng nên cần giao cho chị L được sở hữu và chị L có trách nhiệm trả nợ gốc cho A số tiền 11.000.000 đồng, anh Đ có trách nhiệm trả cho A số tiền 1.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Chị L và anh Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37, Điều 55, Điều 59, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Võ Công Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Công T, sinh ngày 28/02/2009. Chị L không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L được sở hữu chiếc xe Sirius biển số 70F1 – 28134 do chị L đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

4. Về nợ chung: Chị L có nghĩa vụ trả cho A số tiền 11.000.000 đồng, anh Đ có nghĩa vụ trả cho A số tiền 1.000.000 đồng.

Chị Trần Thị L và anh Võ Công Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

5. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, 300.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0012606** ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L phải nộp thêm 600.000 đồng.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 944.000 đồng theo biên lai thu số **0012733** ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh Đ được nhận lại 344.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Ủy ban nhân dân xã PD;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui